

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

5/1

071.110

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (75 -)/DA23DDC

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
05/01/2024

Phòng thi: 071.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115423074	Trần Thị Ngọc	Diễm	26/04/2005	Nữ	9,3	6,3	7,8	001	guc	
2	115423096	Nguyễn Kim	Khôi	18/07/2005	Nam	8,5	3,3	5,9	002	Kim	
3	115423108	Nguyễn Xuân	Mai	13/07/2005	Nữ	9,1	2,5	5,8	003	Xuan	
4	115423109	Nguyễn Khải	Minh	12/04/2005	Nam	9,2	2,5	5,9	004	khail	
5	115423110	Hà Thị Bé	My	29/06/2005	Nữ	8,3	3,0	5,7	005	ha	
6	115423111	Trịnh Thị La	Na	15/08/2005	Nữ	8,4	5,3	6,9	006	na	
7	115423112	Thạch Hoàn	Nam	02/05/2005	Nam	8,9	3,8	6,4	007	hoan	
8	115423114	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	18/11/2005	Nữ	8,7	3,8	6,3	008	ngan	
9	115423118	Bùi Đỗ Như	Ngọc	10/03/2005	Nữ	9,3	4,8	7,1	009	nguyen	
10	115423120	Trần Như	Ngọc	15/10/2004	Nữ	8,2	4,0	6,1	010	tru	
11	115423122	Trần Quốc	Nghi	05/09/2005	Nữ	9,1	5,3	7,2	011	ty	
12	115423124	Lê Huỳnh Khôi	Nguyên	20/12/2005	Nam	8,4	4,8	6,6	012	thuy	
13	115423125	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	08/10/2005	Nữ	8,9	5,8	7,14	013	nguyen	
14	115423133	Thạch Thị Thanh	Nhiều	03/09/2005	Nữ	9,0	3,3	6,2	014	thuy	
15	115423134	Lê Hồng	Nhung	19/06/2005	Nữ	9,2	4,0	6,6	015	hung	
16	115423137	Nguyễn Bích	Như	10/08/2005	Nữ	8,4	4,3	6,4	016	nu	
17	115423138	Nguyễn Ngọc	Như	20/02/2004	Nữ	8,2	3,0	5,6	017	ngoc	
18	115423139	Nguyễn Thị Hoài	Như	11/10/2005	Nữ	8,2	4,5	6,4	018	huai	
19	115423142	Nguyễn Lê Tấn	Phát	01/01/2005	Nam	8,4	3,5	6,0	019	le	
20	115423143	Nguyễn Tấn	Phát	29/03/2004	Nam	8,5	5,3	6,9	020	phat	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ngọc Luyên

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%...

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phước Lan

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

5/1

ĐT1.111

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (75 -)/DA23DDC

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

5 / 1 / 2024

Phòng thi: ĐT1.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115423144	Thạch Thị Sô	Phi	12/01/2005	Nữ	9,1	3,3	6,2	001	Sô	
2	115423145	Sơn Thị Ngọc	Phụng	29/04/2005	Nữ	8,9	3,0	6,0	002	Ngọc	
3	115423146	Sơn Sô	Phon	14/02/2003	Nam	9,0	5,8	7,4	003	Phon	
4	115423147	Lý Trung	Phú	20/07/2004	Nam	8,9	3,0	6,0	004	Trung	
5	115423148	Từ Thị	Phú	08/06/2005	Nữ	9,0	3,8	6,4	005	Phú	
6	115423150	Thạch Thị Mai	Phượng	17/03/2005	Nữ	8,5	4,5	6,5	006	Phượng	
7	115423152	Tạ Như	Quỳnh	20/03/2005	Nữ	9,0	3,8	6,4	007	Quỳnh	
8	115423153	Lê Thị Mỹ	Quỳnh	12/07/2004	Nữ	9,1	3,5	6,3	008	Mỹ	
9	115423154	Lữ Y	Ran	04/06/2005	Nam	8,5	4,3	6,4	009	Ran	
10	115423155	Nguyễn Băng	Tâm	08/09/2005	Nữ	8,9	4,5	6,7	010	Băng	
11	115423157	Nguyễn Ngọc Anh	Thi	14/12/2005	Nữ	8,4	3,3	5,9	011	Thi	
12	115423159	Lữ Thị Hồng	Thảo	24/03/2005	Nữ	—	1,8	0,9	013	Hồng	
13	115423160	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	30/10/2005	Nữ	9,1	—	—	—	Thanh	
14	115423161	Thạch Thị	Thảo	28/03/2005	Nữ	8,5	4,5	6,5	014	Thạch	
15	115423162	Tô Thị Phương	Thảo	25/10/2005	Nữ	8,3	4,3	6,3	015	Phương	
16	115423233	Phol Sóc	Phiếp	23/09/2005	Nữ	8,8	4,3	6,6	019	Phol	
17	115423234	Tạ Thị Thu	Ngân	19/10/2004	Nữ	8,4	1,8	5,1	016	Thu	
18	115423237	Thạch Thị Thanh	Thanh	26/06/2005	Nữ	8,4	4,5	6,5	017	Thanh	
19	115423238	Trần Bạch Long	Thân	15/10/2005	Nam	8,5	4,3	6,4	018	Thân	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Đỗ Đăng Sơn - Hậu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Quỳnh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

5/1
D71.112

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (75 -)/DA23DDD

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....05...../.....1...../.....2023

Phòng thi:.....D71.112.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115423061	Lê Thị Minh Anh	18/03/2005	Nữ	8,4	3,5	6,0	001	<u>Minh</u>		
2	115423128	Nguyễn Thị Thanh Nhẹ	21/10/2005	Nữ	9,7	5,8	7,8	002	<u>Thanh</u>		
3	115423163	Lâm Thị Bé	07/01/2005	Nữ	—	—	6,1	—	—		
4	115423164	Lý Thị Hoài	22/11/2005	Nữ	9,5	3,8	6,7	004	<u>Hoài</u>		
5	115423165	Nguyễn Thị Bé	27/02/2005	Nữ	9,5	4,5	7,0	005	<u>Bé</u>		
6	115423166	Phạm Nguyễn Kiều	01/03/2005	Nữ	9,4	4,5	7,0	006	<u>Kiều</u>		
7	115423168	Quách Minh	01/02/2005	Nam	8,4	3,5	6,0	007	<u>Minh</u>		
8	115423169	Cao Thị Hồng	26/09/2005	Nữ	8,7	3,8	6,3	008	<u>Hồng</u>		
9	115423170	Huỳnh Thị Ngọc	07/04/2005	Nữ	9,2	3,0	6,1	009	<u>Ngọc</u>		
10	115423172	Ngô Anh	18/02/2005	Nữ	8,5	3,8	6,2	010	<u>Anh</u>		
11	115423173	Võ Thị Minh	28/12/2005	Nữ	9,1	4,3	6,7	011	<u>Minh</u>		
12	115423174	Phan Thị Hoài	24/02/2005	Nữ	9,1	2,8	6,0	012	<u>Hoài</u>		
13	115423176	Lý Thị Ánh	22/12/2005	Nữ	—	4,0	2,0	013	<u>Ánh</u>		
14	115423178	Nguyễn Phương	15/07/2005	Nữ	8,9	2,8	5,9	014	<u>Phương</u>		
15	115423179	Nguyễn Khánh	23/07/2005	Nam	8,4	3,0	5,7	015	<u>Khánh</u>		
16	115423181	Sơn Thị Thanh	27/12/2005	Nữ	8,8	5,0	6,9	016	<u>Thanh</u>		
17	115423182	Thạch Thị Thu	24/04/2005	Nữ	9,1	3,8	6,5	017	<u>Thu</u>		
18	115423184	Lê Thị Ngọc	09/02/2005	Nữ	9,4	4,5	7,0	018	<u>Ngọc</u>		
19	115423185	Lê Thị Ngọc	06/07/2005	Nữ	8,8	5,5	7,2	019	<u>Ngọc</u>		
20	115423186	Thạch Thị Bích	28/11/2005	Nữ	8,8	4,0	6,4	020	<u>Bích</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:19.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....19.....

Tổng số tờ:...../.....

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Thanh Thanh.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày ..15... tháng ..01... năm 2024

Cán bộ ghi điểm:.....Caio Dương Phương Lan.....

Cán bộ kiểm tra:.....Nguyễn Thị Lành.....

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

511
ĐH. 113

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (75 -)/DA23DDD

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

05 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐH. 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115423188	Lê Thị Bảo	Trần	25/12/2005	Nữ						
2	115423189	Thạch Thị Ngọc	Trần	25/11/2005	Nữ	8,8	3,0	5,9	002	<u>Thạch</u>	
3	115423190	Kim Hoàng	Trí	12/12/2004	Nam	9,3	4,5	6,9	003	<u>Kim</u>	
4	115423192	Kim Ngọc Yến	Trình	21/03/2005	Nữ	8,9	3,5	6,2	004	<u>Kim</u>	
5	115423195	Dương Đình	Trọng	30/03/2005	Nam	8,6	4,8	6,7	005	<u>Dương</u>	
6	115423196	Nguyễn Thị Kim	Trúc	07/01/2005	Nữ	8,7	3,0	5,9	006	<u>Nguyễn</u>	
7	115423201	Lê Kiến	Tường	15/10/2005	Nam	8,4	4,8	6,6	007	<u>Lê</u>	
8	115423202	Nguyễn Trương Khánh	Tường	08/04/2005	Nữ	8,5	3,3	5,9	008	<u>Nguyễn</u>	
9	115423204	Trần Kim	Vàng	11/10/2005	Nữ	8,7	6,0	7,4	009	<u>Trần</u>	
10	115423205	Võ Gia	Vân	14/07/2005	Nữ	9,2	3,5	6,4	010	<u>Võ</u>	
11	115423206	Châu	Vi	19/09/2005	Nữ	8,9	3,5	6,2	011	<u>Châu</u>	
12	115423207	Hà Thị Thúy	Vi	14/07/2005	Nữ	9,2	4,3	6,8	012	<u>Hà</u>	
13	115423208	Nguyễn Thị Ngọc	Vạn	23/10/2005	Nữ	8,7	3,5	6,1	013	<u>Nguyễn</u>	
14	115423210	Dương Nguyễn Kiều	Vy	09/10/2005	Nữ	8,7	3,5	6,1	014	<u>Dương</u>	
15	115423211	Đặng Thúy	Vy	22/03/2005	Nữ	9,1	4,5	6,8	015	<u>Đặng</u>	
16	115423212	Nguyễn Thị Yến	Vy	07/08/2005	Nữ	8,9	3,5	6,2	016	<u>Nguyễn</u>	
17	115423215	Nguyễn Huỳnh Như	Ý	22/04/2005	Nữ	8,4	3,3	5,9	017	<u>Nguyễn</u>	
18	115423239	Trần Như	Ngọc	19/03/2005	Nữ	9,2	3,8	6,5	018	<u>Trần</u>	
19	115423242	Trần Thị Mỹ	Hằng	02/02/2005	Nữ	8,7	5,3	7,0	019	<u>Trần</u>	
20	115423243	Trần Thị Thảo	Vy	12/04/2005	Nữ	8,5	4,0	6,3	020	<u>Trần</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Leau Cao Dương Phướcylan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: leak

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (75 -)/DA23DDD

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

05 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115423244	Trịnh Ngọc Khả Trần	22/12/2005	Nữ							

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

571

1771 114

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (75 -)/DA23YKE

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
05 / 01 / 2024

Phòng thi: 1771.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116023058	Nguyễn Văn Hiếu	13/06/2005	Nam	9,0	7,5	8,3	001			
2	116023201	Vi Minh Tới	26/06/2005	Nam	8,9	8,8	8,9	002			
3	116023203	Nguyễn Thị Thảo	24/05/2005	Nữ	9,7	6,0	7,9	003			
4	116023204	Lê Thị Quỳnh	08/05/2005	Nữ	8,9	6,5	7,7	004			
5	116023205	Nguyễn Dương Thảo	12/06/2005	Nữ	9,1	8,0	8,6	005			
6	116023206	Nguyễn Thị Ngọc	12/05/2005	Nữ	9,2	6,0	7,6	006			
7	116023207	Nguyễn Huỳnh Huyền	20/03/2005	Nữ	9,3	7,3	8,3	007			
8	116023208	Kim Ái	04/10/2005	Nam	8,6	6,8	7,7	008			
9	116023209	Nguyễn Hữu Trí	27/06/2005	Nam	9,3	6,0	7,7	009			
10	116023210	Phạm Đình Trí	20/05/2005	Nam	9,3	7,3	8,3	010			
11	116023211	Sơn Minh Trí	31/12/2004	Nam	8,9	5,5	7,2	011			
12	116023212	Từ Thừa Trí	03/02/2005	Nam	9,0	9,0	9,0	012			
13	116023213	Huỳnh Mỹ Trinh	08/02/2005	Nữ	9,4	7,3	8,4	013			
14	116023214	Trần Trọng	11/01/2004	Nam	8,8	6,0	7,9	014			
15	116023215	Danh Qui Trọng	09/09/2004	Nam	9,1	7,0	8,1	015			
16	116023216	Huỳnh Hữu Trọng	02/09/2005	Nam	9,2	7,0	8,1	016			
17	116023217	Nguyễn Thị Anh Trúc	23/04/2004	Nữ	9,5	8,0	8,8	017			
18	116023218	Lâm Quý	07/11/2004	Nam	8,3	7,3	7,8	018			
19	116023219	Phạm Minh	04/10/2005	Nam	9,0	5,8	7,4	019			7,4
20	116023220	Võ Phạm Quang Trường	30/06/2005	Nam	8,4	6,0	7,2	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Phương

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Phương

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lan

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

511

C71.204

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (75 -)/DA23YKE

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: T.N.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....05.....01.....2024

Phòng thi: C71.204.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116023221	Trương Thị Cẩm Tú	06/07/2005	Nữ	9,5	6,5	8,0	001	<u>Yun</u>		
2	116023222	Huỳnh Anh Tuấn	17/01/2005	Nam	9,7	6,0	7,9	002	<u>Yun</u>		
3	116023223	Nguyễn Quang Tuấn	13/12/2005	Nam	8,8	7,5	8,2	003	<u>Yun</u>		
4	116023224	Nguyễn Thanh Tuyền	09/01/2005	Nữ	8,4	7,5	8,0	004	<u>Yun</u>		
5	116023225	Nguyễn Chí Vy	16/08/2005	Nam	9,0	6,8	7,9	005	<u>Yun</u>		
6	116023232	Lương Hồ Thế Vinh	21/09/2005	Nam	8,9	5,3	7,1	006	<u>Yun</u>		
7	116023234	Huỳnh Thị Khánh Vy	22/04/2005	Nữ	9,5	8,3	8,9	007	<u>Yun</u>		
8	116023235	Lê Trúc Vy	20/06/2005	Nữ	8,5	8,3	8,4	008	<u>Yun</u>		
9	116023238	Đoàn Thị Yên Xuân	16/02/2005	Nữ	8,9	5,8	7,4	009	<u>Yun</u>		
10	116023240	Nguyễn Phan Quốc Ý	09/01/2005	Nữ	9,1	8,3	8,7	010	<u>Yun</u>		
11	116023241	Trịnh Như Ý	29/10/2005	Nữ	9,4	5,8	8,1	011	<u>Yun</u>		
12	116023242	Trịnh Hồng Yên	01/01/2005	Nữ	9,0	6,0	7,5	012	<u>Yun</u>		
13	116023243	Nguyễn Bảo Ngọc	24/06/2005	Nữ	9,5	8,0	8,8	013	<u>Yun</u>		
14	116023244	Tôn Nguyễn Băng Thanh	22/11/2005	Nữ	9,0	8,0	8,5	014	<u>Yun</u>		
15	116023303LT	Nguyễn Phước Thiện	19/03/1992	Nam	8,8	5,8	7,3	015	<u>Yun</u>		
16	116023305LT	Đào Thị Ngọc Huyền	01/07/1995	Nữ	8,9	7,0	8,0	016	<u>Yun</u>		
17	116023308LT	Võ Ngọc Tú Bình	30/03/2000	Nữ	9,2	4,3	6,8	017	<u>Yun</u>		
18	116023309LT	Phạm Anh Tuấn	06/05/1994	Nam	8,9	4,5	6,7	018	<u>Yun</u>		
19	116023310LT	Phan Bá Nguyên	21/03/1983	Nam							
20	116023322	Kim Thị Như Ý	10/11/2004	Nữ	9,2	6,3	7,8	020	<u>Yun</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19..

Tổng số tờ: 19.....

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 15... tháng 01... năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Nhân

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh